

DANH MỤC THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 09 NĂM 2025**Từ ngày 03/09/2025 đến ngày 30/09/2025**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-THCC2, ngày /09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2025-2026)

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 09/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	29,00	140.000	4.060.000	Bữa Tối
	2	Gỏi gia vị thịt kho tàu	Gói	10,00	10.000	100.000	Thịt lợn kho tàu
	3	Quả su su	Kg	18,00	23.000	414.000	Canh su su
	4	Hành lá	Kg	0,61	60.000	36.300	
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,40	60.000	24.000	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau bữa cơm tối
Tổng						6.279.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 09/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	299	3.500	1.046.500	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	33,00	140.000	4.620.000	Mì tôm
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	4	Quả su su	Kg	21,00	23.000	483.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	
	6	Chả cá	Kg	27,00	120.000	3.240.000	Canh su su
	7	Cà chua	Kg	6,50	35.000	227.500	Bữa Tối
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	23,00	20.000	460.000	Chả cá sốt cà chua
	9	Hành lá	Kg	1,10	60.000	66.000	Trứng luộc
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh rau bắp cải
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.993.200	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 09; 16; 23; 30 Tháng 09/2025)	1	Xôi đỗ xanh (lạc)	Gói	299	6.000	1.794.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	25,00	140.000	3.500.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	20.000	400.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Gà công nghiệp	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	6	Gừng	Kg	0,71	50.000	35.500	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	
	8	Quả bí xanh	Kg	20,20	20.000	404.000	Bữa Tối
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su sào lòng gà
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh bí xanh
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.993.200	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 03; 10; 17; 24 Tháng 09/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	299	3.500	1.046.500	Bữa Sáng
	2	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	Mì tôm
	3	Giò nạc lợn (giò lụa)	Kg	21,00	160.000	3.360.000	Bữa Trưa
	4	Đỗ quả	Kg	4,00	30.000	120.000	Sào thập cẩm
	5	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	Giò nạc lợn + Đỗ quả +
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	20.000	400.000	Cà rốt
	7	Thịt nạc bò bì	Kg	21,00	165.000	3.465.000	Trứng ốp la
	8	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	Canh rau bắp cải
	9	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	Bữa Tối
	10	Quả bí xanh	Kg	18,80	20.000	376.000	Thịt lợn sào su su
	11	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Trứng luộc
	12	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	13	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	14	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	15	Mỹ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	16	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.993.200	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 09/2025)	1	Xôi đỗ xanh (lạc)	Gói	299	6.000	1.794.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	25,00	140.000	3.500.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	20.000	400.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Gà công nghiệp	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	6	Gừng	Kg	0,71	50.000	35.500	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	20,20	20.000	404.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Su su sào lòng gà
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	13	Mỹ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.993.200	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 09/2025)	1	Bánh mỳ ngọt Thảo Nguyên	Gói	299	5.000	1.495.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	19,00	140.000	2.660.000	Bánh mỳ
	3	Gỏi gia vị thịt kho tàu	Gói	10,00	10.000	100.000	Bữa trưa
	4	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	Thịt lợn kho tàu
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,75	20.000	415.000	Trứng luộc
	6	Hành lá	Kg	0,50	60.000	30.000	Canh rau bắp cải
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	8	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	9	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,40	60.000	24.000	
	10	Mỹ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	11	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						7.714.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Thiện



Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 09 NĂM 2025

Chủ Nhật (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 09/2025)

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-THCC2, ngày /09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 299 em.

Tổng số tiền ăn tháng 9/2025: $299 \times 936.000 = 279.864.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 09/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: 21.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 299 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: $21.000 \times 299 = 6.279.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 09/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	29,00	140.000	4.060.000	Bữa Tối
	2	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	10,00	10.000	100.000	Thịt lợn kho tàu
	3	Quả su su	Kg	18,00	23.000	414.000	Canh su su
	4	Hành lá	Kg	0,61	60.000	36.300	
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,40	60.000	24.000	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau bữa cơm tối
Tổng						6.279.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Đức Thiện


THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 09 NĂM 2025

Thứ 2 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 09/2025)

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-THCC2, ngày /09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 299 em.

Tổng số tiền ăn tháng 9/2025: $299 \times 936.000 = 279.864.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 09/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 2: 46.800 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 299 HSBT cho ngày Thứ 2: $46.800 \times 299 = 13.993.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 09/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	299	3.500	1.046.500	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	33,00	140.000	4.620.000	Mì tôm
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	4	Quả su su	Kg	21,00	23.000	483.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	
	6	Chả cá	Kg	27,00	120.000	3.240.000	Canh su su
	7	Cà chua	Kg	6,50	35.000	227.500	Bữa Tối
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	23,00	20.000	460.000	Chả cá sốt cà chua
	9	Hành lá	Kg	1,10	60.000	66.000	Trứng luộc
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh rau bắp cải
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.993.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 09 NĂM 2025

Thứ 3 (Ngày 09; 16; 23; 30 Tháng 09/2025)

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-THCC2, ngày /09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 299 em.

Tổng số tiền ăn tháng 9/2025: $299 \times 936.000 = 279.864.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 09/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 3: 46.800 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 299 HSBT cho ngày Thứ 3: $46.800 \times 299 = 13.993.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 09; 16; 23; 30 Tháng 09/2025)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	299	6.000	1.794.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	25,00	140.000	3.500.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	20.000	400.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	7	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	
	8	Quả bí xanh	Kg	20,20	20.000	404.000	Bữa Tối
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su sào lòng gà
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh bí xanh
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
	Tổng					13.993.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 09 NĂM 2025

Thứ 4 (Ngày 03; 10; 17; 24 Tháng 09/2025)

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-THCC2, ngày /09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 299 em.

Tổng số tiền ăn tháng 9/2025: $299 \times 936.000 = 279.864.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 09/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 4: 46.800 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 299 HSBT cho ngày Thứ 4: $46.800 \times 299 = 13.993.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 03; 10; 17; 24 Tháng 09/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	299	3.500	1.046.500	Bữa Sáng
	2	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	Mì tôm
	3	Giò nạc lợn (giò lụa)	Kg	21,00	160.000	3.360.000	Bữa Trưa
	4	Đồ quả	Kg	4,00	30.000	120.000	Sào thập cẩm Giò nạc lợn + Đồ quả + Cà rốt
	5	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	20.000	400.000	
	7	Thịt nạc bò bì	Kg	21,00	165.000	3.465.000	Trứng ốp la
	8	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	Canh rau bắp cải
	9	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	Bữa Tối
	10	Quả bí xanh	Kg	18,80	20.000	376.000	Thịt lợn xào su su
	11	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Trứng luộc
	12	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	13	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	14	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	15	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	16	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
		Tổng				13.993.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 09 NĂM 2025

Thứ 5 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 09/2025)

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-THCC2, ngày /09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 299 em.

Tổng số tiền ăn tháng 9/2025: $299 \times 936.000 = 279.864.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 09/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 5: 46.800 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 299 HSBT cho ngày Thứ 5: $46.800 \times 299 = 13.993.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 09/2025)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	299	6.000	1.794.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	25,00	140.000	3.500.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	20.000	400.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	6	Gừng	Kg	0,71	50.000	35.500	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	20,20	20.000	404.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Su su xào lòng gà
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.993.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG PTDTBT
TIỂU HỌC
CHUNG CHẢI
SỐ 2

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 09 NĂM 2025

Thứ 6 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 09/2025)

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-THCC2, ngày /09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 299 em.

Tổng số tiền ăn tháng 9/2025: $299 \times 936.000 = 279.864.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 09/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 6: 25.800 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 299 HSBT cho ngày Thứ 6: $25.800 \times 299 = 7.714.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 09/2025)	1	Bánh mì Thảo Nguyên (100gam)	Cái	299	5.000	1.495.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	19,00	140.000	2.660.000	Bánh mỳ
	3	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	10,00	10.000	100.000	Bữa trưa
	4	Trứng vịt	Kg	299,00	4.500	1.345.500	Thịt lợn kho tàu
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,75	20.000	415.000	Trứng luộc
	6	Hành lá	Kg	0,50	60.000	30.000	Canh rau bắp cải
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	8	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	9	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,40	60.000	24.000	
	10	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	11	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	299,00	5.300	1.584.700	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						7.714.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
UBND XÃ MUỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT
TIỂU HỌC
CHUNG CHẢI
SỐ 2
Trịnh Văn Lập